

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 14-5-2019
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ – TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Công Gia** và ông **Trịnh Ngọc Thành**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Thị Chuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Trương Thị Liên** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 462/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị Phương Th**, sinh năm: 1983

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 93, Khu 2, Ấp 2, xã H, huyện Q, tỉnh N; chỗ ở: Tổ 12, Khu 2, thị trấn T, huyện P, tỉnh N.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1970

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 5, thị trấn T, huyện P, tỉnh N.

(Chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/12/2018, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Đặng Thị Phương Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh H tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ cuối năm 2016, có tổ chức đám cưới nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Theo chị Th, đời sống chung của chị và anh H hạnh phúc được khoảng 03 (ba) tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị và anh H bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột, có lần anh H còn đánh đập chị. Tuy nhiên, việc đánh đập không để lại thương tích gì, từ tháng 12/2018 cho đến nay chị và anh H đã không còn sống chung với nhau. Trong

thời không sống chung vợ chồng không ai quan tâm đến ai, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Nay bản thân chị Th nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị và anh H không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Theo chị Th, vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong quá trình chuẩn bị xét xử không có ý kiến, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Để chứng minh cho yêu cầu, ý kiến của mình, nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện những tài liệu chứng cứ sau: Giấy chứng minh nhân dân của chị Th (bản sao); sổ hộ khẩu của gia đình (bản sao); đơn xin xác nhận hộ khẩu của anh Nguyễn Văn H đề ngày 19/11/2018 (bản chính); lời khai của nguyên đơn tại bản tự khai; đơn xin xác nhận về việc không đăng ký kết hôn đề ngày 14/02/2019 (bản chính). Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp Tòa án đã tiến hành sao gửi hợp lệ cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản xác minh về mâu thuẫn vợ chồng; Biên bản xác minh về nơi cư trú của bị đơn tại Công an thị trấn Tân Phú; Biên bản xác minh về việc đăng ký kết hôn của các đương sự tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Phú. Các tài liệu, chứng cứ thu thập được Tòa án đã thông báo cho các đương sự biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại biên bản xác minh ngày 12/02/2019, đại diện khu 5, thị trấn Tân Phú cung cấp như sau: Anh H có hộ khẩu thường trú tại địa phương, trong thời gian chị Th và anh H sống chung với nhau thì có xảy ra mâu thuẫn, có 01 lần anh H đánh chị Th, việc này chị Th có báo với ban quản lý khu 5, đồng thời ban quản lý khu có hòa giải cho vợ chồng chị Th, anh H. Việc anh H chị Th sống chung với nhau có đăng ký kết hôn hay không thì anh không rõ. Hiện nay anh H đang đi làm ăn xa, khoảng 01 (một) tháng về thăm nhà 01 lần, dù đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh H cho rằng không đăng ký kết hôn nên không đồng ý đến Tòa án làm việc.

Tại biên bản xác minh ngày 14/02/2019, đối với anh Bùi Huy Phú là Công an phụ trách khu vực thì được cung cấp như sau: Anh H là công dân có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ Tổ 2, Khu 5, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú. Hiện nay anh H vẫn đang sinh sống tại địa phương, chưa tách hay chuyển khẩu đi nơi khác.

Tại biên bản xác minh ngày 12/02/2019, đối với chị Phan Thị T là Công chức Tư pháp - Hộ tịch thị trấn Tân Phú thì được cung cấp như sau: Qua kiểm tra sổ theo dõi đăng ký kết hôn của xã Phú Thanh từ năm 2016 đến nay thì không có thông tin liên quan đến việc đăng ký kết hôn giữa chị Th và anh H.

Tại phiên Tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể

từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Tuy nhiên, Tòa án còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Th và anh H; về con chung: Chị Th, anh H không có con chung nên không xem xét; về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: Các đương sự khai không có, nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Đặng Thị Phương Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là: “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Văn H có nơi cư trú tại: Tổ 2, Khu 5, thị trấn T, huyện P, tỉnh N, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn chị Đặng Thị Phương Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn H là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Th và anh H chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 2016, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn, đến nay cũng chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình thì nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị Th mà sẽ tuyên bố không công nhận chị Th và anh H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Th và anh H không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: Chị Th trình bày không có, nên không xem xét, giải quyết; đối với anh H nếu có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Về án phí: Chị Th là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó chị Th phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[8] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận chị Đặng Thị Phương Th và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Th, anh H không có con chung nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Chị Th khai không có, nên không xem xét. Dành quyền khởi kiện về chia tài sản chung, nợ chung cho anh H bằng vụ án khác nếu anh H có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị Phương Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Th đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 008366 ngày 07/12/2018 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Chị Th đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND thị trấn T;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu trữ;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Thị Thịnh